HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98 /NQ-HĐND	*Lệ Thủy, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua đồ án Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Kiến Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê

duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng; quản lý kiến trúc; cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Kết luận số 2570-KL/HU ngày 13/11/2023 của Huyện ủy Lệ Thủy kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 80;

Căn cứ Thông báo số 422-TB/HU ngày 21/11/2023 của Huyện ủy Lệ Thủy kết luận Hội nghị Huyện ủy lần thứ 25;

Xét Tờ trình số 2905/TTr-UBND ngày 21/11/2023 của UBND huyện Lệ Thủy về việc đề nghị thông qua đồ án Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đồ án Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000, gồm:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch phân khu là toàn bộ ranh giới hành chính của xã Cam Thủy, huyện Lệ Thuỷ, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp xã Ngư Thủy Bắc;
- Phía Tây Bắc giáp xã Thanh Thủy;
- Phía Đông Nam giáp xã Hưng Thủy;
- Phía Tây Nam giáp xã Liên Thủy, Dương Thủy và Tân Thủy.

Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp xã Ngư Thủy Bắc, khu Công nghiệp Cam Liên và khu vực đã được phê duyệt quy hoạch phân khu;
- Phía Tây Bắc giáp xã Thanh Thủy và đất ruộng lúa các thôn Mỹ Duyệt, Hòa Luật Nam, Hòa Tân, Tân Phong;
- Phía Tây Nam giáp đất ruộng lúa các thôn Đặng Lộc 1, Đặng Lộc 2, Đặng Lộc 3 và xã Hưng Thủy;
- Phía Đông Nam giáp đất rừng sản xuất kết hợp trang trại dịch vụ và đất năng lượng sạch.

3. Quy mô:

- Quy mô đất đai: khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có diện tích là 1.410,14 ha, trong đó khu vực được xác định quy hoạch phát triển đô thị có diện tích 580,0 ha.

- Quy mô dân số: dự báo đến năm 2035 dân số xã Cam Thủy đạt 6.347 người.

4. Các mục tiêu, nội dung quy hoạch: *(có bản vẽ và thuyết minh kèm theo)*

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND huyện, hai Ban HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện xem xét, giải quyết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được HĐND huyện Lệ Thủy khóa XXI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND tỉnh; } B/c
- Sở Xây dựng; }
- Các vị Đại điểu HĐND tỉnh bầu tại KV Lệ Thủy;
- Ban TV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Hai ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY T. QUẢNG BÌNH

Lê Vĩnh Thế

THUYẾT MINH TÓM TẮT

Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND huyện)

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thuỷ, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000.

2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch phân khu là toàn bộ ranh giới hành chính xã Cam Thủy, huyện Lệ Thuỷ, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp xã Ngư Thủy Bắc;
- Phía Tây Bắc giáp xã Thanh Thủy;
- Phía Đông Nam giáp xã Hưng Thủy;
- Phía Tây Nam giáp xã Liên Thủy, Dương Thủy và Tân Thủy.

Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thủy, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp xã Ngư Thủy Bắc, khu Công nghiệp Cam Liên và khu vực đã được phê duyệt quy hoạch phân khu;
- Phía Tây Bắc giáp xã Thanh Thủy và đất ruộng lúa các thôn Mỹ Duyệt, Hòa Luật Nam, Hòa Tân, Tân Phong;
- Phía Tây Nam giáp đất ruộng lúa các thôn Đặng Lộc 1, Đặng Lộc 2, Đặng Lộc 3 và xã Hưng Thủy;
- Phía Đông Nam giáp đất rừng sản xuất kết hợp trang trại dịch vụ và đất năng lượng sạch.

3. Quy mô:

- Quy mô đất đai: khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có diện tích là 1.410,14 ha, trong đó khu vực được xác định quy hoạch phát triển đô thị có diện tích 580 ha.

- Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2035 dân số xã Cam Thủy đạt 6.347người.

4. Tính chất khu vực quy hoạch: Là đô thị loại IV, theo định hướng tổ chức các chức năng của khu vực phát triển đô thị: Đất ở, đất công cộng, đất giáo dục, đất thương mại dịch vụ, đất cây xanh, đất nông nghiệp, đất tiểu thủ công nghiệp, đất dự phòng, đất giao thông.

5. Quy hoạch sử dụng đất.

Khu vực lập Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị xã Cam Thuỷ, huyện Lệ Thủy, tỷ lệ 1/2000 có diện tích lập quy hoạch là 1.410,14ha. Các chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch được quy định như bảng sau:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.

TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (SỐ TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
A	**KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**		**580,00**	**100**			
1	**ĐẤT NHÓM NHÀ Ở**		**143,77**	**24,79**	**50(*)**	**5**	**2,5**
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng (Bao gồm đất ở và đất nông nghiệp khác)	OHT	126,99	21,89			
1.2	Đất nhóm nhà ở mới	NNO	16,78	2,91			
2	**HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ** (Đất ở: 50%, đất công cộng: 30%, đất cây xanh, hạ tầng kỹ thuật 20%)	**HH**	**32,09**	**5,53**	**60**	**5**	**3,0**
3	**Y TẾ (Trạm y tế xã)**	**YT**	**0,11**	**0,02**	**40**	**3**	**1,0**
4	**VĂN HÓA**	**VH**	**1,61**	**0,28**	**40**	**3**	**1,0**
5	**THỂ DỤC THỂ THAO**	**TD-TT**	**2,21**	**0,38**	**40**	**3**	**1,0**
6	**GIÁO DỤC**	**GD**	**3,59**	**0,62**	**40**	**3**	**1,0**
6.1	Trường Mầm non	GD.1	0,26				
6.2	Trường THCS, Tiểu học Cam Thủy	GD.2	1,98				
6.3	Trường Mầm non	GD.3	0,34				
6.4	Đất trường học	GD.4	1,01				
7	**CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG**	**CX-CC**	**4,46**	**0,77**	**5**	**1**	**0,05**
8	**CÂY XANH CHUYÊN DỤNG**	**CX-CD**	**66,45**	**11,46**	**5**	**1**	**0,05**
9	**ĐẤT CÔNG CỘNG**	**CC**	**9,60**	**1,66**	**40**	**3**	**0,05**
10	**CƠ QUAN, TRỤ SỞ**	**TS**	**5,68**	**0,98**	**40**	**3**	
10.1	UBND xã Cam Thủy, đất cơ quan trụ sở.	TS.1	0,53		40	3	1,0
10.2	Cơ quan, trụ sở	TS.2	1,58		40	3	1,0
10.3	Trạm khí tượng thủy văn	TS.3	3,57		40	3	2,0
11	**KHU DỊCH VỤ** (không bao gồm dịch vụ du lịch)	**TM-DV**	**28,23**	**4,87**	**60**	**5**	**3,0**
12	**QUỐC PHÒNG**	**QP**	**14,83**	**2,56**			
13	**ĐƯỜNG GIAO THÔNG**	**GT**	**134,88**	**23,26**			
14	**BÃI ĐỖ XE**	**BĐX**	**7,17**	**1,24**	**5**	**1**	**0,05**
15	**NGHĨA TRANG**	**NT**	**25,81**	**4,45**	**10**	**1**	**0,1**
16	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC**	**HTK**	**11,76**	**2,03**	**60**	**5**	**3,0**
17	**SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP** (Đất lúa)	**LUA**	**8,40**	**1,45**	**-**	**-**	

TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (SỐ TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
18	**LÂM NGHIỆP** (Rừng sản xuất)	**RSX**	**19,82**	**3,42**	-	-	
19	**ĐẤT DỰ PHÒNG**	**DP**	**49,02**	**8,45**	-	-	
20	**SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH**	**MN**	**10,51**	**1,81**	-	-	
B	**KHU VỰC GHÉP NỐI QUY HOẠCH**		**830,14**	**100,0**			
1	Quy hoạch khu công nghiệp Cam Liên	QH.1	93,16	11,22			
2	Quy hoạch phân khu khu vực từ ngã tư đường BOT giao quốc lộ 9C ra quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc.	QH.2	47,28	5,70			
3	Quy hoạch điều chỉnh một số khu vực tại các xã Ngư Thủy Bắc, Thanh Thủy, Cam Thủy thuộc đồ án QHC đô thị Kiến Giang	QH.3	16,52	1,99			
4	Quy hoạch chi tiết khu dân cư xã Cam Thủy	QH.4	16,10	1,94			
5	Đất dự phòng	QH.5	15,74	1,90			
6	Đất trồng rừng (trang trại kết hợp dịch vụ)	QH.6	306,62	36,94			
7	Đất lúa, đất trồng rừng (trang trại kết hợp dịch vụ)	QH.7	334,72	40,31			
KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH (A+B)			**1.410,14**				

Ghi chú: (*) là mật độ xây dựng (MĐXD) gộp tối đa của nhóm nhà ở, MĐXD cụ thể từng lô đất được xác định đảm bảo theo bảng 2.8 QCVN 01/2021.

6. Nguyên tắc, yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

6.1. Định hướng phát triển không gian:

Dựa vào địa hình tự nhiên và những lợi thế phát triển của xã Cam Thủy dự kiến phân vùng quy hoạch cho khu vực như sau:

- Vùng 1: Vùng trung tâm xã- trung tâm hành chính: Tại khu vực trụ sở xã và khu vực lân cận.

Hệ thống các công trình công cộng cấp xã, dân cư mới và thương mại dịch vụ tạo điểm nhấn cho đô thị.

- Vùng 2: Vùng phía Bắc xã: Khu vực ngã tư Cam Liên và lân cận.

Đây là khu vực có mật độ dân cư cao là cửa ngỏ phía bắc của đô thị với điểm nhấn là ngã tư Cam Liên.

- Vùng 3: Khu vực đường quốc lộ 9C giao đường BOT đến khu vực đường QH22,5m. Đây là vùng phát triển dân cư mới và các chức năng hỗn hợp dự

phòng. Các khu nhà ở xây dựng mới trên cơ sở tận dụng địa hình và khai thác quỹ đất trống chưa sử dụng. Các khu công cộng được bố trí vào lõi các khu ở mới nhằm đảm bảo bán kính phục vụ thấp nhất cho người dân sống trong đô thị.

- Vùng 4: Khu vực nằm dọc tuyến đường BOT: Vùng phát triển thương mại dịch vụ công cộng.

- Vùng 5: Vùng dân cư hiện hữu phân bố tại 9 thôn: thôn Mỹ Duyệt, thôn Hòa Luật Nam, thôn Tân Phong, thôn Hòa Tân, thôn Tân Tiến, thôn Tân Lộc, thôn Đặng Lộc 1, thôn Đặng Lộc 2, thôn Đặng Lộc 3. Các khu nhà ở hiện trạng được cải tạo chỉnh trang nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Vùng 6: Khu vực nằm ở phía tây nam: Vùng phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao. Khai thác các lợi thế điều kiện tự nhiên, đất đai các cánh đồng sát bờ kênh mương, các đồng mẫu lớn, chuyển đổi các khu vực trồng lúa năng suất thấp sang nông nghiệp công nghệ cao.

6.2. Giải pháp tổ chức kiến trúc, cảnh quan:

a. Khu vực phát triển công cộng, dịch vụ, thương mại: Trên cơ sở khai thác giá trị các trục đường BOT, QL1A sẽ bố trí các khu vực xây dựng công trình công cộng, dịch vụ, thương mại nhằm tạo điểm nhấn và tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan hiện đại cho đô thị. Được tổ chức và bố trí tại các nút giao thông chính, có điểm nhìn đẹp và có giá trị tạo dựng điểm nhấn về không gian cảnh quan đô thị. Mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 05 tầng.

b. Khu vực các vùng dân cư hiện hữu cải tạo, nâng cấp: Đây là các khu dân cư đã có quá trình phát triển lâu dài, ổn định với mật độ dân cư tập trung cao, gồm 9 thôn: thôn Mỹ Duyệt, thôn Hòa Luật Nam, thôn Tân Phong, thôn Hòa Tân, thôn Tân Tiến, thôn Tân Lộc, thôn Đặng Lộc 1, thôn Đặng Lộc 2, thôn Đặng Lộc 3. Bảo tồn kiến trúc đặc trưng và truyền thống của khu dân cư. Cải tạo chỉnh trang và bổ sung các vị trí đất ở mới tại những khu đất lẻ chưa sử dụng. Khai thác triệt để các điểm dân cư đô thị tại lõi trung tâm. Mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao tối đa 05 tầng.

c. Khu vực phát triển các khu ở mới: Được quy hoạch phân bố trên toàn bộ địa bàn xã, tập trung ở các trục đường chính, các khu đất xen kẹt trong khu dân cư. Được kết nối bằng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Khu vực này sẽ xây dựng các loại hình nhà ở như: nhà ở liền kề, nhà liền kề kết hợp dịch vụ và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu sinh sống cho người dân. Mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao tối đa 05 tầng.

d. Khu vực phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, trang trại và cảnh quan sinh thái ven kênh, rạch: Khai thác các lợi thế điều kiện tự nhiên, đất đai các cánh đồng sát bờ kênh mương phát triển nông nghiệp, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống dân cư

trong khu vực.

e. Khu vực trung tâm xã. Nơi tập trung các cơ quan hành chính xã. Nằm trên hai trục giao thông lớn là Quốc lộ 1 và tuyến đường liên xã kết nối Liên Thủy, Cam Thủy đi biển Ngư Thủy. Khu vực cần có sự đa dạng kiến trúc, phù hợp với đặc điểm địa phương đồng thời phải có những dấu hiệu nhận biết như là biểu tượng cơ quan quyền lực của xã. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 03 tầng.

f. Khu vực cửa ngõ phía bắc: Vị trí điểm nhấn là ngã tư Cam Liên nơi giao cắt của quốc lộ 1 với quốc lộ 9C. Khu vực có mật độ dân cư hiện trạng sầm uất, đây không những là điểm nhấn của xã mà là của cả thị trấn Kiến Giang.

6.3. Quy định về kiến trúc đô thị:

a. Về tầng cao công trình: Được quy định cụ thể trong giai đoạn trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập Dự án đầu tư xây dựng công trình, trong đó lưu ý phải thống nhất trên cũng một dãy phố nhằm thống nhất về kiến trúc mặt ngoài.

b. Về tầng hầm:

Các công trình xây dựng được phép xây dựng từ 01- 03 tầng hầm tùy theo vị trí và chức năng sử dụng của lô đất, chiều sâu tầng hầm từ 2,8m đến 6,0m.

Chỉ giới xây dựng tầng hầm của các công trình trùng với ranh giới các lô đất và chỉ giới đường đỏ các trục đường bao quanh.

c. Về màu sắc, vật liệu và chi tiết kiến trúc: Khuyến khích và quản lý việc sử dụng màu sắc công trình hài hòa, tươi sáng và hiện đại; Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, có giá trị thẩm mỹ cao.

6.4. Giải pháp lựa chọn cây xanh:

Cây xanh vỉa hè: Trồng theo từng cụm, theo tuyến,...hoặc trồng kết hợp nhiều loại cây. Lựa chọn chủng loại cây ít có sâu bọ.

Cây xanh khuôn viên công trình: Cây xanh ở công trình đa năng khuyến khích sử dụng các bồn cây di động để có thể sắp xếp bố trí, chăm sóc bảo dưỡng dễ dàng. Khu vực nhà ở khuyến khích trồng cây trên ban công, lô gia.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. San nền, thoát nước mưa:

a. San nền:

Cao độ khống chế san nền cho khu vực quy hoạch từ là từ 2,65m đến 18,00m tùy theo khu vực. Riêng khu vực các hồ điều hòa và hệ thống kênh mương thoát nước sẽ không san nền.

b. Thoát nước mưa: Thoát nước theo độ dốc địa hình chảy từ phía Đông Bắc xuống Tây Nam, thoát ra hệ thống kênh mương và hồ điều hòa trong khu vực. Toàn bộ nước mưa khu vực được thu gom thoát về khu vực ruộng phía Tây Nam, xả ra hói Sao Vàng, cuối cùng thoát về Sông Kiến Giang.

7.2. Giao thông:

Giao thông đối ngoại: Đi qua UBND xã có tuyến đường QL.1A quy hoạch mở rộng 34,0m đoạn đi qua đô thị và 52,0m (kể cả hành lang an toàn đường bộ) đoạn ngoài đô thị. Phía Đông Bắc quy hoạch mở rộng tuyến đường Tránh QL1 và hệ thống đường gom rộng 82,0m nối Bắc Nam. Phía Tây Bắc quy hoạch mở rộng tuyến đường QL9C rộng 32,0m kết nối Đông Tây.

Giao thông đối nội: Quy hoạch tuyến đường Đông Tây kết nối từ trung tâm Kiến Giang ra biển Ngư Thuy Bắc rộng 36,0m. Giữa 2 tuyến đường Tránh và đường QL.1A quy hoạch tuyến đường rộng 36,0m nối từ QL.9C đi thôn Tân Lộc. Để có sự kết nối giữa các khu chức năng và sự thuận tiện đi lại quy hoạch các trục đường nội bộ vuông góc và song song với chiều rộng từ 9,0÷27,0m.

7.3. Cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp nước đô thị Kiến Giang. Hệ thống cấp nước được thiết kế theo dạng mạch vòng trên các tuyến ống dọc theo vỉa hè các trục giao thông chính theo định hướng quy hoạch chung, đường kính ống cấp nước D110 – D200, cung cấp nước sinh hoạt và chữa cháy cho toàn bộ khu vực quy hoạch.

7.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải: Thiết kế mạng lưới thoát nước thải thu gom nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, các khu chức năng, các công trình công cộng. Toàn bộ nước thải khu vực được thu gom tự chảy theo độ đốc địa hình tập trung về các trạm bơm nâng cốt theo quy hoạch chung. Cuối cùng được dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đô thị Kiến Giang tại xã Thanh Thủy theo định hướng quy hoạch chung đô thị trấn Kiến Giang.

- Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt phân loại, thu gom vào các thùng rác bố trí cho từng công trình và đưa ra điểm tập kết rác thải của dự án, thu gom, vận chuyển đến bãi rác chung của huyện, sau đó vận chuyển về khu quản lý chất thải rắn của tỉnh đã phê duyệt.

7.5. Cấp điện: Nguồn cấp điện cho khu vực lập quy hoạch lấy nguồn từ xuất tuyến 22 kV của trạm biến áp 110KV Lệ Thủy cấp điện cho các khu vực chức năng, các trạm biến áp phải đảm bảo mỹ quan đô thị. Lưới điện hạ thế bố trí dọc theo hành lang kỹ thuật và vỉa hè các tuyến đường. Bố trí các tủ phân phối hạ thế ở các vị trí phù hợp.

7.6. Thông tin liên lạc: Mạng lưới cáp thông tin được bố trí đi ngầm dọc theo vỉa hè các tuyến đường; các trạm thu phát sóng thông tin di động được bố trí tại các khu cây xanh, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng cho các trạm BTS.